

MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG THU NHẬP CHO NÔNG DÂN CỦA TRUNG QUỐC TRONG 10 NĂM GẦN ĐÂY

TH.S NGUYỄN THANH GIANG
Viện Nghiên cứu Trung Quốc

Tóm tắt: Nông dân là vấn đề hạt nhân của công tác “tam nông” (nông nghiệp, nông thôn, nông dân); còn tăng thu nhập cho nông dân lại là vấn đề hạt nhân của vấn đề nông dân. Bài viết trình bày và phân tích một số lý do và giải pháp chủ yếu nhằm tăng thu nhập cho nông dân Trung Quốc 10 năm gần đây, sau đó rút ra một số nhận xét có thể gợi mở cho Việt Nam.

Từ khóa: Nông dân, thu nhập, Trung Quốc.

Từ trước tới nay, vấn đề nông dân luôn được coi là vấn đề quan trọng hàng đầu của Trung Quốc. “*Không có ổn định và tiến bộ toàn diện của nông thôn, thì không có ổn định và tiến bộ của cả xã hội, không có khá giả của nông dân, thì không thể có khá giả của nhân dân cả nước*”⁽¹⁾ từ lâu đã trở thành nhận thức chung của các nhà lãnh đạo và giới khoa học nước này. Hiện nay, thế hệ lãnh đạo thứ tư do Hồ Cẩm Đào đứng đầu đặt vấn đề *nông dân là hạt nhân của công tác tam nông, trong đó tăng thu nhập cho nông dân lại được coi là hạt nhân của vấn đề này*. Trong những năm gần đây, để thúc đẩy

tăng thu nhập cho nông dân, Đảng và Chính phủ Trung Quốc đã thực hiện nhiều chính sách tích cực như hoàn thiện chế độ khoán ruộng đất, miễn thuế nông nghiệp, cải thiện điều kiện làm việc cho người nông dân đi ra thành phố làm thuê.... Đặc biệt từ năm 2004 đến nay, một loạt “Văn kiện số 1” về tam nông được ban hành, đều đặc biệt nhấn mạnh đến việc thúc đẩy tăng thu nhập cho nông dân, với các chính sách hỗ trợ nông dân, mở rộng việc làm cho nông dân, tăng cường đầu tư, bảo hộ nông nghiệp, giúp cho thu nhập của nông dân tăng trưởng nhanh, đời sống nông thôn có bước chuyển biến đáng kể.

I. VÌ SAO TRUNG QUỐC PHẢI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TĂNG THU NHẬP CHO NÔNG DÂN

Trung Quốc là nước nông nghiệp lớn, nông dân đông. Trong suốt chiều dài lịch sử, nông dân luôn là lực lượng chính trị đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của đất nước. Song cho đến nay, nông dân Trung Quốc vẫn luôn là “cộng đồng yếu thế” và phải chịu nhiều thiệt thòi so với các nhóm người khác trong xã hội, mà biểu hiện rõ nhất chính là ở chỗ thu nhập của nông dân vẫn còn thấp và tăng trưởng chậm so với tốc độ phát triển kinh tế của Trung Quốc và tốc độ tăng trưởng thu nhập của người dân thành thị. Điều này có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của kinh tế quốc dân và sự ổn định của xã hội.

1. Thu nhập của nông dân tăng chậm ảnh hưởng đến sự tăng trưởng kinh tế

Trung Quốc là một nước lớn đang phát triển. Có thể nói nhu cầu trong nước là động lực căn bản cho sự tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân. Nông dân là nhóm tiêu dùng lớn nhất; nông thôn là thị trường tiêu dùng có tiềm lực nhất. Thu nhập của nông dân tăng trưởng chậm, họ phải thắt chặt tiêu dùng, khiến cho sức mua kém, nên ảnh hưởng trực tiếp đến việc mở rộng thị trường ở nông thôn và mở rộng nhu cầu trong nước. Theo thống kê, từ năm 2000-2002, tổng kim ngạch bán lẻ hàng tiêu dùng ở thành thị đạt 2.589,8 tỉ NDT, ở nông thôn chỉ đạt 1.501,3 tỉ NDT⁽²⁾. Như vậy, mức chi cho tiêu dùng bình quân đầu người cư dân nông thôn chỉ bằng

khoảng 1/3 mức trung bình của cư dân thành thị⁽³⁾. Lấy ví dụ về các mặt hàng điện gia dụng: mặc dù nhu cầu mua sắm các thiết bị gia dụng của nông dân rất lớn, nhưng do thu nhập tăng chậm, khả năng tích lũy thấp, nông dân không có đủ sức mua trên thực tế. Theo thống kê, bình quân số đồ điện gia dụng của 100 hộ cư dân nông thôn năm 2003 là: ti vi 60,5 chiếc, tủ lạnh 14,8 chiếc, máy giặt 31,8 chiếc, máy ảnh 3,3 chiếc. Nếu mức bình quân các sản phẩm này của 210 triệu hộ cư dân nông thôn đạt mức bình quân như của cư dân thành thị, thì cần thêm 140 triệu ti vi, 1,5 triệu tủ lạnh, 1,3 triệu máy giặt, 85 triệu máy ảnh⁽⁴⁾, đây quả là một thị trường tiêu dùng cực lớn.

Từ những con số thống kê trên, có thể thấy mặc dù cư dân nông thôn chiếm 70% tổng dân số của cả nước, song mức tiêu dùng chỉ chiếm chưa đến 40% tổng kim ngạch tiêu dùng toàn xã hội. Một tính toán cho thấy, nếu tỉ trọng tổng kim ngạch hàng tiêu dùng nông thôn được nâng lên mức 50% tổng tiêu dùng toàn xã hội, thì nhu cầu tiêu dùng sẽ tăng thêm hơn 800 tỉ NDT. Nếu tiêu dùng bình quân đầu người cư dân nông thôn tăng thêm 50 NDT, thì tổng kim ngạch tiêu dùng cả nước có thể tăng thêm 40 tỉ NDT⁽⁵⁾.

Mức tiêu dùng của nông dân giảm cũng khiến cho mức đầu tư giảm xuống. Theo thống kê, tỉ lệ đóng góp tiêu dùng của nông dân vào sự tăng trưởng mức đầu tư đối với GDP năm 1997 chỉ có 22,3%⁽⁶⁾. Tỉ lệ tiêu dùng giảm sẽ không kích thích được đầu tư và sản xuất, ảnh hưởng trực tiếp đến sự tăng trưởng của kinh tế.

Mặt khác, do mức thu nhập của cư dân nông thôn quá thấp, đặc biệt là ở miền Trung và miền Tây, khiến nhiều nông dân phải bỏ quê hương ra thành phố tìm việc, cộng thêm những hạn chế về quyền lưu chuyển ruộng đất khoán, đã gây nên tình trạng ruộng đất canh tác bị bỏ hoang khá phổ biến, cơ sở hạ tầng nông thôn xây dựng không được sử dụng, không có lợi cho sự phát triển kinh tế nông nghiệp.

Tóm lại, thu nhập của nông dân tăng trưởng chậm không những ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống và khả năng đầu tư vào sản xuất của người nông dân, mà còn ảnh hưởng không tốt đến sự tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân. Nghiên cứu về hành vi tiêu dùng trong kinh tế học cho thấy, người nghèo thường có khuynh hướng tiêu dùng, còn người giàu lại có khuynh hướng tích trữ, vì thế thu nhập của người nông dân được nâng cao sẽ có lợi hơn cho việc mở rộng nhu cầu tiêu dùng của toàn xã hội, qua đó thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế.

2. Thu nhập của nông dân thấp ảnh hưởng đến sự ổn định của xã hội

Trong khoảng thời gian từ năm 1997-2003, tốc độ tăng trưởng thu nhập khả dụng bình quân đầu người cư dân thành thị Trung Quốc là xấp xỉ 8,6%, còn tốc độ tăng trưởng thu nhập thuần bình quân đầu người cư dân nông thôn chỉ là 3,8%. Tốc độ tăng trưởng thu nhập của cư dân nông thôn chỉ bằng khoảng 1/3 mức tăng trưởng thu nhập của cư dân thành thị. Chính sự khác biệt trong tốc độ tăng thu

nhập là nguyên nhân chính khiến khoảng cách chênh lệch thu nhập giữa thành thị và nông thôn tăng lên, năm 2000 mức chênh lệch này là 2,79, năm 2003 tăng lên là 3,23⁽⁷⁾.

Xu thế dẫn rộng chênh lệch thu nhập giữa cư dân nông thôn và thành thị sẽ đe dọa đến sự ổn định chính trị và xã hội. Chênh lệch thu nhập tồn tại trong thời gian dài khiến đa số nông dân rơi vào tình trạng mất cân bằng, nghi ngờ và bất mãn. Mặc dù trong những năm gần đây, mức sống của người dân Trung Quốc được nâng cao, nhưng do tình trạng chênh lệch thu nhập khá lớn khiến cho một số đông nông dân vẫn cảm thấy mình là người nghèo. Chính vì tâm lý đó, mà ngày càng có nhiều cuộc biểu tình của nông dân chống chính quyền bởi sự áp bức và nạn tham nhũng của một số quan chức địa phương. Năm 1993 có 8.700 cuộc bạo loạn của nông dân chống chính quyền, năm 1998 có 24.500 cuộc, năm 2000 là 40.000 cuộc, năm 2005 là 87.000 cuộc, tức là có khoảng 240 cuộc mỗi ngày⁽⁸⁾. Sự gia tăng mức độ chênh lệch thu nhập giữa cư dân nông thôn và cư dân thành thị có ảnh hưởng khá lớn tới niềm tin của nhân dân vào chính phủ, vào công cuộc cải cách, dẫn tới việc người nông dân nghi ngờ về tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội là “cùng giàu có”. Điều này có ảnh hưởng lớn đến sự ổn định của xã hội và địa vị cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Thu nhập của nông dân là cơ sở đánh giá sự phát triển kinh tế nông thôn. Thu nhập của nông dân thấp và tăng chậm

không những ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người nông dân, đến sự tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân, sự ổn định chính trị và tiến trình xây dựng xã hội khá giả ở nông thôn, mà còn liên quan trực tiếp đến cải cách, phát triển và ổn định của toàn xã hội. Vì thế, thúc đẩy tăng thu nhập cho nông dân luôn được các nhà lãnh đạo Trung Quốc coi là một trong những nhiệm vụ chủ yếu để phát triển sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn.

II. MỘT SỐ CHÍNH SÁCH VÀ BIỆN PHÁP CƠ BẢN TĂNG THU NHẬP CHO NÔNG DÂN CỦA ĐẢNG VÀ CHÍNH PHỦ TRUNG QUỐC TRONG THỜI GIAN QUA

1. Ổn định quan hệ thuê khoán ruộng đất, bảo vệ quyền sử dụng đất khoán của nông dân

Ổn định mối quan hệ thuê khoán ruộng đất, bảo vệ quyền sử dụng ruộng đất của nông dân chính là bảo vệ lợi ích căn bản nhất của người nông dân.

Chế độ khoán sản đến hộ trong nông nghiệp thực hiện vào đầu những năm 1980 đã giải quyết được quyền tự chủ kinh doanh sản xuất của hàng trăm triệu hộ nông dân Trung Quốc, phát huy mạnh mẽ tính tích cực sản xuất của nông dân. Tuy nhiên qua một thời gian thực hiện, nó đã bộc lộ một số hạn chế như phân phối bình quân ruộng đất theo nhân khẩu hoặc lực lượng lao động nên đã hạn chế sự lưu động hợp lý quyền sử dụng đất, cản trở việc dịch chuyển ruộng đất vào tay những nông dân có khả năng làm ruộng. Ruộng đất bị phân tán nhỏ lẻ

hạn chế việc kinh doanh và sản xuất nông nghiệp ở qui mô lớn, cản trở quá trình đô thị hoá. Ngoài ra, chủ thể quyền sở hữu và sử dụng ruộng đất không rõ ràng, nông dân không được quyền chuyển nhượng, mua bán tài sản ruộng đất, không được lấy ruộng đất khoán mang đi thế chấp, khiến cho nông dân khó vay vốn để phát triển sản xuất. Hơn nữa, quyền sở hữu và quyền sử dụng đất tách rời nhau nên nông dân - chủ thể kinh doanh thiếu động lực để đầu tư vào ruộng đất, còn tập thể nông thôn - tổ chức sở hữu ruộng đất lại thiếu sự ràng buộc về trách nhiệm đầu tư. Ruộng đất vì thế không được bảo vệ, bị sử dụng và bỏ hoang một cách tùy tiện diễn ra ngày càng nhiều.

Để hoàn thiện và khắc phục một số hạn chế của chế độ khoán ruộng đất, ngày 1-3-2003, “*Luật khoán ruộng đất nông thôn*” bắt đầu được thực thi để ổn định và hoàn thiện thể chế kinh doanh hai tầng, lấy chế độ khoán đến hộ làm cơ sở, trao cho nông dân quyền sử dụng đất khoán một cách lâu dài và có bảo đảm. Đồng thời, Luật cũng xác định việc thực hiện lưu chuyển quyền kinh doanh ruộng đất khoán, qui định quyền lợi và các phương thức của việc lưu chuyển này như kế thừa, hưởng lợi, làm cổ đông, cho thuê, chuyển nhượng⁽⁹⁾... Một số nhà khoa học của Trung Quốc đánh giá “*Luật khoán ruộng đất nông thôn*” lần này là lần sáng tạo thứ ba⁽¹⁰⁾ trong cải cách chế độ ruộng đất ở Trung Quốc, sẽ đem lại cho nông dân nhiều biến đổi to lớn.

Một nghiên cứu đã chứng minh, *trong số các yếu tố đóng góp vào thu nhập của nông dân như sức lao động (số lượng lao động và tổ chức lao động); ruộng đất kinh doanh; tài sản cố định mang tính sản xuất, thì số lượng lao động nông nghiệp có đóng góp ít nhất, còn ruộng đất thuê khoán có đóng góp nhiều nhất.* Theo tính toán, nếu qui mô ruộng đất thuê khoán tăng lên 1% thì thu nhập thuần kinh doanh gia đình có thể tăng lên 1,5%⁽¹¹⁾. Vì vậy, thúc đẩy lưu chuyển ruộng đất ở nông thôn, mở rộng qui mô kinh doanh ruộng đất của các hộ nông dân có ý nghĩa cực kỳ quan trọng để tăng thu nhập nông nghiệp cho nông dân. Đi sâu cải cách thể chế tài chính nông thôn, cải thiện môi trường đầu tư, giải quyết vấn đề vay vốn khó cho nông dân, tăng cường đầu tư cho nông nghiệp, đó chính là điểm mấu chốt để Trung Quốc xây dựng cơ chế hiệu quả lâu dài trong việc tăng thu nhập cho nông dân.

Gần đây, Hội nghị Trung ương 3 khóa XVII ĐCS Trung Quốc (tháng 10-2008) đã thông qua “*Nghị quyết của Trung ương ĐCS Trung Quốc về một số vấn đề quan trọng thúc đẩy cải cách phát triển nông thôn*”, chính thức cho phép nông dân có thể chuyển đổi quyền kinh doanh ruộng đất khoán một cách hợp pháp với các hình thức như chuyển đổi quyền thuê khoán, cho thuê, trao đổi, chuyển nhượng, hợp tác cổ phần... Có thể nói, Nghị quyết này là sự ủng hộ về chính sách, giúp nông dân được đảm bảo hơn về các quyền lợi như quyền sở hữu, quyền sử dụng và thu lợi đối với ruộng đất khoán. Mặt khác, *việc cho nông dân quyền tự do*

lưu chuyển ruộng đất khoán sẽ tạo điều kiện tập trung ruộng đất qui mô lớn, qua đó thúc đẩy phát triển sức sản xuất và ứng dụng công nghệ sản xuất, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước. Điều này vừa có thể nâng cao hiệu quả sử dụng đất, vừa có lợi cho việc thúc đẩy chuyển dịch sức lao động nông thôn sang các ngành nghề thứ 2 và thứ 3, tăng thu nhập cho nông dân. Ngoài ra, việc nông dân có thể chuyển nhượng đất khoán, dùng đất khoán để thế chấp vay vốn, hợp tác cổ phần, sẽ cho nông dân một nguồn vốn để đầu tư kinh doanh, tăng thu nhập mang tính tài sản cho nông dân.

Bên cạnh đó, để bảo vệ quyền sử dụng đất của nông dân, Nghị quyết cũng nhấn mạnh việc thúc đẩy cải cách chế độ trưng dụng đất. Do chế độ trưng thu ruộng đất của Trung Quốc còn nhiều điểm bất hợp lý, như phạm vi trưng thu quá rộng, mức bồi thường thấp, vì vậy không đảm bảo được kế sinh nhai của nông dân mất đất. Theo điều tra năm 2004 tại 14 huyện (thị) thuộc hai thành phố Thẩm Dương và Phủ Thuận, tỉnh Liêu Ninh, rất nhiều tập thể nông dân nghèo đói đang hình thành. Toàn thành phố Phủ Thuận đã có 88.781 hộ nông dân mất ruộng đất, trong đó, 217 hộ bị trưng dụng hết toàn bộ ruộng đất, tỷ lệ thất nghiệp tới 45,9%. Có 600 gia đình nông dân trước khi bị trưng dụng ruộng đất thu nhập thuần bình quân đầu người đạt 4.057,5 NDT, nhưng sau khi ruộng đất bị trưng dụng thì thu nhập chỉ còn 2.985,3 NDT. Như vậy, thu nhập sau khi mất ruộng đất giảm 26,4%⁽¹²⁾.

Để giải quyết thực trạng này, Nghị quyết đã xác định phương hướng cải cách chế độ trưng thu ruộng đất là *“Phân định chặt chẽ ruộng đất trưng thu dùng cho xây dựng mang tính công ích và ruộng đất trưng thu dùng cho xây dựng mang tính kinh doanh, từng bước thu hẹp phạm vi trưng thu ruộng đất, hoàn thiện cơ chế đền bù trưng thu ruộng đất. Căn cứ theo pháp luật trưng thu ruộng đất tập thể ở nông thôn, dựa theo nguyên tắc đồng địa đồng giá đền bù kịp thời, đủ giá trị cho tổ chức tập thể ở nông thôn và nông dân, giải quyết vấn đề việc làm, nhà ở, an sinh xã hội cho người nông dân bị trưng thu ruộng đất...”*⁽¹³⁾. Việc Trung Quốc thực hiện cải cách chế độ trưng thu ruộng đất, chú trọng giải quyết việc làm và an sinh xã hội cho người nông dân bị mất ruộng đất sẽ đem lại lợi ích cho nông dân, qua đó giúp nâng cao thu nhập cho bộ phận nông dân bị mất ruộng đất.

2. Tiến hành cải cách toàn diện chế độ thuế và phí ở nông thôn, giảm nhẹ gánh nặng cho nông dân

Thực hiện cải cách thuế phí ở nông thôn là một quyết sách quan trọng của Đảng và Chính phủ Trung Quốc nhằm giảm nhẹ gánh nặng cho nông dân, thay đổi lại cục diện phân phối lợi ích ở khu vực nông thôn. Trước khi cải cách chế độ thu thuế phí, nông dân Trung Quốc phải chịu nhiều khoản thuế chồng chéo như thuế nông nghiệp (thực chất là thuế lương thực), thuế sát sinh, thuế đặc sản và thuế giá trị gia tăng, thuế sử dụng đất canh tác, thuế văn tự mua bán; các

loại phí như phí đóng góp cho thôn xã, ngày công nghĩa vụ, ngày công tích lũy, quỹ giáo dục; nghĩa vụ bán một số nông sản theo quy định của Nhà nước như lương thực, bông... Theo số liệu thống kê, riêng khoản thuế và phí mà nông dân phải gánh chịu chiếm khoảng 7%-8% tổng giá trị sản phẩm nông nghiệp. Trong thời kỳ Kế hoạch 5 năm lần thứ IX (1996-2000), mỗi năm nông dân phải nộp 25,4 tỷ NDT thuế nông nghiệp; thuế đặc sản nông nghiệp tăng từ 7,96 tỷ NDT năm 1996 lên 8,89 tỷ NDT năm 1999, tức là tăng 3,8% mỗi năm⁽¹⁴⁾. Người nông dân phải chịu gánh nặng về thuế và phí không những ảnh hưởng đến thu nhập của người nông dân mà còn ảnh hưởng đến sức cạnh tranh về giá cả các sản phẩm nông nghiệp của Trung Quốc.

Trước tình hình đó, bắt đầu từ năm 2000, cải cách chế độ thuế phí được tiến hành thí điểm toàn diện ở tỉnh An Huy, đến năm 2003 mở rộng trên phạm vi nông thôn cả nước Trung Quốc. Theo kế hoạch, cải cách thuế và phí ở nông thôn được tiến hành theo hai bước. Bước một được khái quát là “giảm nhẹ, quy phạm, ổn định”, với nội dung chủ yếu là *“ba loại bỏ, một từng bước loại bỏ, hai điều chỉnh, một cải cách”*. Trong đó *“ba loại bỏ”* là: Thuế sát sinh được loại bỏ; việc huy động vốn cho thôn xã, vốn cho giáo dục và những khoản đóng góp mang tính hành chính sự nghiệp được loại bỏ; và vốn cho chính quyền được loại bỏ. *“Một từng bước loại bỏ”* là trong vòng 3 năm giảm nhẹ, tiến tới loại bỏ phí lao động nghĩa vụ và công tích lũy. *“Hai điều*

chỉnh” là điều chỉnh lại thuế nông nghiệp, thuế đặc sản nông nghiệp và điều chỉnh lại phương pháp thu thuế nông nghiệp. “*Một cải cách*” là cải cách lại thuế cho thôn xã và biện pháp sử dụng nó.

Về căn bản Trung Quốc đã hoàn thành bước một cải cách thuế phí ở nông thôn và đang thực hiện bước hai. Nhiệm vụ của bước hai là, dựa theo yêu cầu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN, loại bỏ những loại thuế và phí chuyên thu từ nông dân, thiết lập chế độ tài chính công bao phủ thành thị và nông thôn, đồng thời thiết lập một thể chế quản lý hành chính và cơ chế vận hành gọn nhẹ hiệu quả ở cơ sở, thiết lập cơ chế có hiệu quả tăng thu nhập và giảm đóng góp cho nông dân.

Từ sau Đại hội XVI ĐCS Trung Quốc, việc cải cách chế độ thuế phí ở nông thôn đã được đẩy nhanh hơn. Nghị quyết Hội nghị TW3 khoá XVI ĐCS Trung Quốc (tháng 10-2003) đưa ra việc hoàn thiện các chính sách cải cách thí điểm thuế và phí ở nông thôn, trên cơ sở công tác thí điểm được hoàn thành, từng bước hạ thấp tỉ suất thuế nông nghiệp, tạo điều kiện để thống nhất chế độ thuế ở thành thị và nông thôn. Năm 2004, Trung Quốc đã bắt đầu thực hiện miễn thuế nông nghiệp ở nhiều tỉnh và khu vực có điều kiện. Tháng 3 năm 2004, tại Kỳ họp thứ 2 Quốc hội khoá X, Thủ tướng Ôn Gia Bảo tuyên bố bắt đầu từ năm 2004, từng bước hạ thấp tỉ suất thuế nông nghiệp, bình quân hàng năm sẽ giảm 1%, tiến tới trong vòng 5 năm sẽ xoá bỏ hoàn

toàn thuế nông nghiệp. Tuy nhiên, đến ngày 1-1-2006, Chính phủ Trung Quốc đã quyết định bãi bỏ thuế nông nghiệp trên cả nước mà không cần đến thời gian 5 năm như mục tiêu đã đề ra. Có thể nói đây là một quyết định mang tính lịch sử đối với nông dân Trung Quốc, chấm dứt chế độ thuế tồn tại ở nước này suốt 2.600 năm, mang lại lợi ích to lớn cho khoảng 900 triệu nông dân Trung Quốc, góp phần rút ngắn khoảng cách thu nhập giữa cư dân nông thôn và thành thị.

Theo nghiên cứu của các chuyên gia Trung Quốc, những ảnh hưởng tích cực từ việc bãi bỏ thuế nông nghiệp đối với sản xuất nông nghiệp và tăng thu nhập cho nông dân được thể hiện trên các phương diện sau:

Một là, bãi bỏ thuế nông nghiệp là biện pháp thiết thực giảm nhẹ gánh nặng cho nông dân. Theo tính toán, bãi bỏ toàn diện thuế nông nghiệp giúp cho nông dân giảm nhẹ gánh nặng thuế phí là hơn 133,5 tỉ NDT/năm so với trước khi thực hiện cải cách thuế phí ở nông thôn⁽¹⁵⁾. Ở hầu hết các tỉnh thành, bình quân mỗi người nông dân đều giảm nhẹ được gánh nặng là hơn 100 NDT/năm. Xoá bỏ thuế nông nghiệp không những đã giảm gánh nặng kinh tế cho nông dân, mà còn giảm nhẹ gánh nặng tâm lý cho họ, khiến người nông dân sẽ không còn phải lo lắng những khoản thuế mà các cán bộ hương thôn (xã) thúc giục giao nộp.

Hai là, tài chính công thực sự phục vụ cho nông thôn. Do các nguyên nhân lịch sử, đối tượng của dịch vụ tài chính công ở Trung Quốc chủ yếu phục vụ người dân

thành thị, còn nguồn vốn cần thiết cho dịch vụ công ở nông thôn chủ yếu là do người nông dân tự giải quyết. Lấy ví dụ giáo dục nghĩa vụ nông thôn: Trước khi cải cách thuế phí, mặc dù chủ thể đầu tư cho giáo dục nghĩa vụ nông thôn là chính quyền các cấp, nhưng nguồn kinh phí chủ yếu lại dựa vào các khoản phí đóng thêm và nguồn đóng góp cho giáo dục do nông dân nộp. Sau khi thực hiện cải cách thuế phí, Trung Quốc đã tiến hành điều chỉnh mối quan hệ phân phối giữa nhà nước, tập thể và cá nhân, xoá bỏ các khoản phí đóng thêm và nguồn đóng góp cho giáo dục nông thôn, đưa kinh phí giáo dục nông thôn vào dự toán ngân sách của chính quyền các cấp, kinh phí công của trường học do tài chính cấp trên chi trả. Những thay đổi này thực sự hướng tới mục tiêu cải cách tài chính công nghiêng về phục vụ cho “tam nông”. Qua đó tạo điều kiện để con em nông dân có điều kiện học tập, nâng cao trình độ văn hoá giáo dục, cũng là yếu tố quan trọng giúp nâng cao thu nhập của nông dân.

Ba là, phát huy tính tích cực của nông dân trong việc xây dựng cánh đồng cơ bản. Sau khi bãi bỏ thuế nông nghiệp, tính tích cực của người nông dân làm ruộng và hiệu suất sử dụng đất canh tác được nâng cao, nông dân thêm yêu ruộng đất của mình hơn, coi trọng đầu tư vào xây dựng các cánh đồng cơ bản hơn. Do làm ruộng không phải chịu thuế phí, một bộ phận nông dân trước đây rời bỏ canh tác nay quay lại sản xuất nông nghiệp, thậm chí ở một số địa phương còn xuất hiện những nhóm nông dân

làm ruộng thuê chuyên nghiệp, điều này có lợi cho việc từng bước thực hiện qui mô hoá trồng trọt ở nông thôn. Vì xoá bỏ thuế nông nghiệp mang lại cho nông dân làm ruộng nhiều lợi nhuận hơn, nên họ sẽ tiết kiệm nguồn tiền đó dùng cho việc thuê lại ruộng đất bị bỏ hoang, giúp cho hiện tượng bỏ hoang ruộng đất được cải thiện cơ bản.

3. Tăng cường mức độ trợ giúp từ các chính sách tăng thu nhập cho người nông dân, đảm bảo cho thu nhập của nông dân tăng trưởng ổn định

Những năm cuối thế kỷ XX, trước tình trạng thu nhập của nông dân tăng trưởng chậm; mức độ tăng trưởng thu nhập của nông dân ở khu vực sản xuất lương thực thấp hơn so với mức bình quân cả nước; thu nhập của nhiều hộ thuần nông tiếp tục dậm chân tại chỗ, thậm chí giảm sút; chênh lệch thu nhập giữa người dân thành thị và nông thôn ngày càng mở rộng, Đảng và Chính phủ Trung Quốc đã ban hành và thực hiện một số chính sách nhằm giải quyết những mâu thuẫn và vấn đề tồn tại trong phát triển nông nghiệp và nông thôn, bắt đầu từ vấn đề tăng thu nhập cho nông dân. Năm 2004, sau 18 năm gián đoạn, Trung Quốc công bố Văn kiện số 1 lần thứ 6 với tiêu đề “*Ý kiến của TW Đảng và Quốc Vụ viện về một số chính sách thúc đẩy tăng thu nhập cho nông dân*”. Đây được xem là văn kiện đầu tiên trong lịch sử nước CHND Trung Hoa về vấn đề tăng thu nhập cho nông dân, thể hiện rõ quan điểm của thế hệ lãnh đạo mới ở Trung Quốc là kiên trì “lấy con người làm gốc”,

quan tâm đến nhóm quần chúng yếu thế trong xã hội, tạo ra công bằng xã hội. Văn kiện có ý nghĩa chỉ đạo chiến lược quan trọng giải quyết vấn đề nông dân và tăng thu nhập cho nông dân, tạo ra chuyển biến mới đối với công tác tam nông của Trung Quốc.

Văn kiện số 1 năm 2004 đã đề xuất việc thúc đẩy tăng thu nhập cho nông dân cần phải có lối tư duy mới, sử dụng những biện pháp mang tính tổng hợp, bao gồm: Hỗ trợ những vùng sản xuất lương thực chủ lực; điều chỉnh kết cấu nông nghiệp, khai thác các tiềm năng tăng thu nhập cho nông dân từ chính ngành nông nghiệp; phát triển ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ ngay tại nông thôn, mở rộng kênh tăng thu nhập cho nông dân; cải thiện môi trường làm việc cho nông dân vào thành phố làm thuê; phát huy vai trò của cơ chế thị trường, làm sống động việc lưu thông nông sản phẩm; tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; đi sâu cải cách nông thôn, bảo đảm về mặt thể chế cho nông dân tăng thu nhập và giảm nhẹ gánh nặng cho nông dân; làm tốt công tác xoá đói giảm nghèo, giải quyết tình trạng khó khăn về sản xuất và đời sống của người nghèo; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc thúc đẩy tăng thu nhập cho nông dân.

Trong 6 bản Văn kiện số 1 được công bố sau đó vào các năm từ 2005-2010, Đảng và Chính phủ Trung Quốc vẫn tiếp tục coi trọng và khẳng định tính cấp thiết của việc tăng thu nhập cho nông dân, coi đó là cơ sở kinh tế để thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới XHCN.

Văn kiện số 1 năm 2008 chỉ đạo việc thực hiện công tác nông thôn của Trung Quốc nhấn mạnh vào ba trọng điểm là: Phát triển sản xuất lương thực, đảm bảo cung cấp nông sản phẩm; tăng cường việc xây dựng các công trình cơ sở nông nghiệp; mở rộng con đường tăng thu nhập cho nông dân. Văn kiện số 1 năm 2009 tiếp tục chỉ đạo thực hiện chính sách trợ cấp và đầu tư cho nông nghiệp, tăng đầu tư vào khoa học kỹ thuật nông nghiệp, chú trọng giải quyết việc làm và vấn đề tiền lương cho người nông dân làm công, tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng nông nghiệp và các công trình trọng điểm về sinh thái để xây dựng cơ chế hiệu quả lâu dài tăng thu nhập cho nông dân. Văn kiện số 1 năm 2010 một lần nữa nhấn mạnh trọng tâm “tăng thu nhập cho nông dân, cải thiện dân sinh nông thôn” trong tư duy cơ bản của công tác nông nghiệp nông thôn, làm rõ yêu cầu phải nỗ lực thúc đẩy tạo việc làm cho nông dân, đẩy nhanh phát triển sự nghiệp công cộng tại nông thôn, cải thiện dân sinh nông thôn thông qua thực hiện các chính sách tạo việc làm trong các ngành nông nghiệp, phi nông nghiệp với việc phát triển các ngành nông lâm nghiệp đặc sắc hiệu quả cao, điều chỉnh kết cấu xí nghiệp hương trấn, hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản...

Trong các văn kiện và chính sách mà Trung ương Đảng, Quốc Vụ viện Trung Quốc ban hành nhằm tăng thu nhập cho nông dân đều thể hiện phương châm “*cho nhiều, thu ít, làm sống động*”, mà trọng điểm là “*cho nhiều*”.

“Cho nhiều” được thể hiện ở 2 mặt: Một là, thiết lập chế độ hỗ trợ trực tiếp cho người nông dân, thể hiện rõ nhất ở chính sách “Ba hạng mục trợ cấp” được nêu ra trong Văn kiện số 1 năm 2004, bao gồm: Trợ cấp trực tiếp cho người nông dân trồng lương thực, trợ cấp tiền mua giống tốt và trợ cấp mua máy móc nông nghiệp. Tính riêng trong năm 2004, Nhà nước Trung Quốc đã chi ra 10 tỷ NDT từ Quỹ dự phòng rủi ro lương thực, trực tiếp hỗ trợ cho người nông dân

trồng lương thực, bảo vệ một cách có hiệu quả tính tích cực trồng lương thực của những khu vực trồng lương thực chủ đạo và của đông đảo nông dân. Bắt đầu từ năm 2006, Trung Quốc còn có thêm chính sách hỗ trợ tổng hợp tư liệu sản xuất (số liệu xem bảng 1). Có thể nói, việc thực hiện chính sách “Ba hạng mục trợ cấp” có ý nghĩa to lớn đối với người nông dân trồng cây lương thực, vì thế nó được nông dân nhiệt liệt hoan nghênh.

BẢNG 1: CÁC HẠNG MỤC HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP CỦA TRUNG QUỐC TỪ NĂM 2004 -2009

Đơn vị: 100 triệu NDT

Năm	2004	2005	2006	2008	2009
Trợ cấp trực tiếp cho nông dân trồng lương thực	116	132	142	151	151
Trợ cấp mua giống tốt	28,52	37,52	40,2	120,7	154,8
Trợ cấp mua máy móc nông nghiệp	0,7	3	6,7	40	130
Trợ cấp tổng hợp tư liệu sản xuất nông nghiệp	-	-	125	638	795

Nguồn: Trình Quốc Cường: *Nông nghiệp Trung Quốc sau khi gia nhập WTO*. Bài viết cho Hội thảo “Những vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân ở Trung Quốc” tổ chức tại Viện KHXH Việt Nam, tháng 10-2007. Số liệu năm 2008 dẫn từ http://news.xinhuanet.com/politics/2008-04/04/content_7916456.htm, năm 2009 dẫn từ http://www.gov.cn/jrzq/2009-12/27/content_1497769.htm

Hai là, tăng cường đầu tư tài chính cho “tam nông”. Hoạt động tín dụng tài chính vĩ mô của Nhà nước đầu tư nghiêng về cho nông nghiệp và nông thôn, gián tiếp tăng thu nhập cho nông dân. Theo thống kê, năm 2004 nguồn vốn hỗ trợ nông nghiệp của Trung ương và các địa phương của Trung Quốc đã vượt 350 tỷ NDT, ngoài ra còn có hơn 37 tỷ NDT tiền công trái đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng thủy lợi và đồng ruộng, phát huy vai trò quan trọng trong

việc tăng thu nhập cho nông dân⁽¹⁶⁾. Đến năm 2008, ngân sách tài chính Trung ương đầu tư cho tam nông là 595,5 tỷ NDT⁽¹⁷⁾, năm 2009 tăng lên 716,14 tỷ NDT⁽¹⁸⁾ và năm 2010 đạt 857,97 tỷ NDT, trong đó hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp là 342,73 tỷ NDT. Trợ cấp trực tiếp cho nông dân trồng lương thực, trợ cấp mua giống tốt, máy móc nông nghiệp và trợ cấp tổng hợp tư liệu sản xuất nông nghiệp là 122,59 tỷ NDT, chi cho sự nghiệp giáo dục, y tế nông thôn là 335,05

tỷ NDT⁽¹⁹⁾. Theo Báo cáo công tác Chính phủ, năm 2011 Trung Quốc sẽ tiếp tục tăng đầu tư cho tam nông lên 988,45 tỷ NDT⁽²⁰⁾, tăng trợ cấp sản xuất nông nghiệp cho nông dân. Như vậy, bằng những hạng mục hỗ trợ cho tam nông nêu trên, Đảng và Chính phủ Trung Quốc đã tạo ra môi trường chính sách có lợi cho nông nghiệp phát triển ổn định, nông dân tiếp tục tăng thu nhập⁽²¹⁾.

Trong nguồn đầu tư tài chính dùng hỗ trợ tam nông, Chính phủ Trung Quốc ưu tiên dành một khoản lớn cho miền Trung và miền Tây. Việc Chính phủ tăng đầu tư tài chính cho các khu vực khó khăn, ở một mức độ nào đó, có thể giảm thiểu hành vi mượn việc thu phí của nông dân để phục vụ các công việc địa phương của chính quyền cơ sở, từ đó gián tiếp giảm nhẹ gánh nặng cho nông dân, tăng thu nhập cho nông dân, góp phần thu hẹp khoảng cách thu nhập giữa nông dân các vùng miền.

“*Thu ít*” chủ yếu thể hiện thông qua việc cải cách thuế phí, giảm nhẹ gánh nặng cho nông dân đã được trình bày ở trên. Ngoài ra, kể từ ngày 1-1-2008, Trung Quốc đã quyết định hoàn thuế VAT và thuế nhập khẩu đối với một số phụ tùng thiết bị nông nghiệp nhằm mục đích phục vụ công tác nghiên cứu, phát triển và sản xuất các thiết bị nông nghiệp công suất lớn và mới. Những thiết bị nông nghiệp công suất lớn bao gồm: Máy kéo bánh lốp, máy gặt đập liên hợp, máy thu hoạch khoai tây liên hợp, máy cắt cỏ tự động, máy gieo hạt lúa mì, máy gieo mạ, máy thu hoạch bông...⁽²²⁾.

“*Làm sống động*” chủ yếu thể hiện qua việc thực hiện các chính sách nhằm phát huy đầy đủ tính tích cực, tính chủ động và tính sáng tạo của nông dân, làm sống động nền kinh tế nông thôn, mở rộng kênh thu nhập cho nông dân. Trong những năm qua, để thực hiện phương châm “*làm sống động*”, Trung Quốc đã thực hiện các chính sách nhằm thúc đẩy kinh doanh ngành nghề hoá và thâm canh hoá nông nghiệp, phát triển ngành nghề thứ hai và thứ ba ở nông thôn, đồng thời thực hiện các chính sách khuyến khích, giúp đỡ người nông dân vào thành phố làm thuê.

Bên cạnh đó, việc Trung ương ĐCS Trung Quốc ban hành quyết định bảo vệ đất canh tác, đẩy mạnh đầu tư cho nông nghiệp, khống chế nghiêm ngặt giá cả thiết bị vật tư nông nghiệp, thi hành các biện pháp bảo đảm giá thu mua lương thực thấp nhất, đã phát huy tác dụng khá lớn trong việc thúc đẩy tăng thu nhập cho nông dân.

4. Tích cực chuyển dịch sức lao động dư thừa ở nông thôn ra thành phố làm thuê, giải quyết tốt vấn đề người nông dân lưu động, thúc đẩy tăng thu nhập cho nông dân làm công

Trong quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá, ở Trung Quốc đã hình thành một đội ngũ đông đảo những người nông dân đi ra thành phố làm thuê-được gọi là nông dân công. Theo “Điều tra nông dân công Trung Quốc” năm 2006 của Quốc Vụ viện Trung Quốc, nông dân công của nước này có khoảng 200 triệu người. Dự báo 10 năm tới, nông dân Trung Quốc

tiếp tục chuyển dịch về thành thị với tốc độ 8,5 triệu người/năm, 20 năm tới số nông dân công của Trung Quốc sẽ đạt 300 triệu người⁽²³⁾.

Xét về khía cạnh kinh tế, người nông dân làm thuê lưu động là nhân tố tích cực xuất hiện trong quá trình phát triển kinh tế. Họ trở thành cầu nối cho quan hệ giữa thành thị và nông thôn, điều chỉnh kết cấu xã hội thành thị và nông thôn, thu hẹp khoảng cách chênh lệch giữa thành thị và nông thôn. *Báo cáo điều tra nghiên cứu nông dân Trung Quốc* của Quốc Vụ viện cho thấy, 1/3 nông dân Trung Quốc đã trở thành nông dân công, làm việc trong các ngành nghề phi nông nghiệp. Số lượng nông dân công trong ngành nghề thứ hai (công nghiệp, xây dựng) chiếm đến 70%, ở ngành nghề thứ ba (dịch vụ) chiếm 60% tổng số lao động⁽²⁴⁾. Điều này cho thấy, nông dân công đã trở thành chủ thể trong các ngành nghề của Trung Quốc.

Sở dĩ Trung Quốc trở thành “công xưởng thế giới” là nhờ lượng lớn lao động dư thừa ở nông thôn, làm cho giá nhân công của Trung Quốc rẻ hơn so với các nước khác trên thế giới, vì vậy có thể sản xuất sản phẩm với giá rẻ nhất, có sức cạnh tranh nhất thế giới. Theo thống kê của các chuyên gia, mỗi năm nông dân công tạo ra khoảng 1000 - 2000 tỷ NDT cho kinh tế của thành phố, tăng thêm thu nhập cho nông thôn là 500-600 tỷ NDT. Theo Lục Học Nghệ, ở các tỉnh như Tứ Xuyên, An Huy, Hà Nam, Giang Tây, Hồ Nam, mỗi năm nông dân công gửi tiền về quê nhà khoảng 10-20 tỷ NDT, con số

này tương đương, thậm chí còn vượt quá mức thu nhập tài chính của toàn tỉnh, từ đó giảm được mâu thuẫn giữa thành thị và nông thôn, giữ được ổn định xã hội ở nông thôn⁽²⁵⁾.

Nhận thức được vai trò quan trọng của nông dân công trong việc thúc đẩy tăng thu nhập cho người nông dân, Trung Quốc ngày càng chú trọng đến việc cải thiện điều kiện làm việc cho nông dân công, đưa ra một loạt biện pháp chính sách và đã thu được hiệu quả nhất định. Từ sau Đại hội XVI ĐCS Trung Quốc, chính sách việc làm cho nông dân công đã có bước biến chuyển quan trọng. Tháng 1-2003, tại Hội nghị Công tác nông thôn, Chính phủ Trung Quốc đã đề ra phương châm “*đối xử công bằng, dẫn dắt hợp lý, hoàn thiện quản lý, làm tốt công tác phục vụ*”, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân đi vào thành phố làm thuê.

Văn kiện số 1 năm 2004 khẳng định nông dân vào thành phố làm thuê đã trở thành một bộ phận quan trọng của đội ngũ công nhân trong các ngành nghề; họ cũng đóng thuế và đóng thuế tạo ra của cải cho thành phố, vì vậy cần kiện toàn pháp luật pháp quy hữu quan, dựa vào luật pháp để đảm bảo các lợi ích của nông dân công, đồng thời xác lập khung chính sách đối xử công bằng với nông dân công, giúp họ hoà nhập được với thành phố. Gần đây Trung Quốc đã đưa ra rất nhiều quyết định, dùng nhiều biện pháp khả thi để thống nhất thị trường sức lao động thành thị-nông thôn, hình thành chế độ đối xử công bằng về việc

làm giữa người lao động ở đô thị và nông thôn như: Bãi bỏ chế độ giấy tờ chuyển đổi đối với những nông dân đi ra ngoài khu vực nông thôn làm việc, đơn giản hoá các thủ tục liên quan; cải cách chế độ hộ tịch ở thành phố vừa và lớn, nới lỏng điều kiện vào thành phố làm việc và định cư đối với nông dân; chính quyền thành phố tiến hành bồi dưỡng nghề nghiệp, dạy dỗ con cái, bảo hiểm lao động và những dịch vụ khác một cách thiết thực, đồng thời quản lý và dự toán tài chính một cách minh bạch. Bắt đầu từ năm 2004, Bộ Nông nghiệp, Bộ Tài chính, Bộ Lao động và Bảo hiểm xã hội, Bộ Giáo dục, Bộ Khoa học kỹ thuật và Bộ xây dựng đã cùng nhau thực hiện “*Công trình ánh dương bồi dưỡng tập huấn chuyển dịch sức lao động nông thôn*”, cho ra đời “*Quy trình bồi dưỡng tập huấn nông dân công năm 2003-2010*”. Đặc biệt là năm 2006, Quốc Vụ viện Trung Quốc đã ban hành “*Một số ý kiến về việc giải quyết vấn đề người nông dân làm công*”. Năm 2007, Quốc hội Trung Quốc thông qua Luật thúc đẩy việc làm và Luật hợp đồng lao động, xác định chiến lược qui hoạch thống nhất việc làm ở thành thị và nông thôn. Các địa phương và các bộ ngành căn cứ theo qui hoạch thống nhất, đã tích cực tổ chức triển khai công tác bồi dưỡng giáo dục việc làm cho số lao động chuyển dịch từ nông thôn. Từ năm 2004-2007, chỉ tính riêng “*Công trình ánh dương bồi dưỡng tập huấn chuyển dịch sức lao động nông thôn*” đã bồi dưỡng được 12,3 triệu lao động nông thôn⁽²⁶⁾. Trong các năm từ

2008-2010, công trình này tiếp tục bồi dưỡng thêm hơn 3 triệu lao động nông thôn mỗi năm.

Như vậy, việc bảo vệ quyền lợi của người nông dân ra thành phố làm thuê trên các phương diện như hợp đồng lao động, mức lương, cải thiện môi trường lao động, chế độ bảo hiểm xã hội đã có bước tiến triển mới. Thu nhập bình quân đầu người của nông dân công năm 2010 là 1.670 NDT/tháng⁽²⁷⁾. Tỷ lệ nông dân công ký hợp đồng lao động tăng cao, tại các doanh nghiệp lớn đạt trên 90%, tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ là 65%⁽²⁸⁾. Năm 2010, số nông dân công tham gia bảo hiểm tai nạn lao động và bảo hiểm y tế là 63 triệu người và 45,83 triệu người, tham gia bảo hiểm dưỡng lão cơ bản đạt 32,84 triệu người⁽²⁹⁾. Thu nhập từ việc đi ra thành phố làm thuê đã trở thành nguồn quan trọng trong tăng trưởng thu nhập của nông dân. Vì vậy, tăng thu nhập cho người nông dân công sẽ là kênh quan trọng để tăng thu nhập cho nông dân từ nay về sau.

Mặt khác, để giải quyết vấn đề sức lao động dư thừa ở nông thôn, trong thời gian vừa qua, Trung Quốc cũng đã thúc đẩy mở cửa đối ngoại ở nông thôn, khai thác thị trường quốc tế, mở rộng không gian phát triển nông nghiệp và không gian việc làm cho sức lao động nông nghiệp. Đồng thời tích cực thu hút vốn và kỹ thuật của nước ngoài, cải thiện cục diện phân bố các yếu tố sản xuất nông nghiệp. Trong quá trình giải quyết sức lao động dư thừa ở nông thôn, tạo điều kiện cho nông dân tăng thu nhập, Trung Quốc

cũng đã nhận thấy một điều: Giải quyết vấn đề “tam nông” nói chung và vấn đề tăng thu nhập, việc làm của người nông dân nói riêng không thể bó hẹp trong nội bộ nông thôn, mà cần phải kết hợp với thành thị, hình thành nên một cục diện kết hợp giữa thành thị và nông thôn, từng bước tìm ra con đường mới để giải quyết vấn đề tam nông ở Trung Quốc.

III. MỘT SỐ HẠN CHẾ TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TĂNG THU NHẬP CHO NÔNG DÂN

Không thể phủ nhận những mặt tích cực của các chính sách tăng thu nhập cho nông dân của Đảng và Chính phủ Trung Quốc trong thời gian qua. Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách tăng thu nhập cho nông dân của Trung Quốc vẫn còn tồn tại một hạn chế như sau:

Một là, mức độ tuyên truyền giải thích các chính sách còn yếu. Theo điều tra chọn mẫu ở tỉnh Hắc Long Giang, trong số những hộ gia đình có thu nhập từ nông nghiệp chiếm từ 50-80% tổng thu nhập gia đình, chỉ có 8,9% cho rằng chính quyền thường xuyên tiến hành tuyên truyền và giải thích các chính sách công ích, 32,2% cho rằng có tuyên truyền và giải thích nhưng không thường xuyên và có đến 58,9% cho rằng không biết đến chính sách tăng thu nhập của Đảng và Chính phủ. Như vậy có đến hơn một nửa tổng số hộ nông dân có thu nhập từ nông nghiệp là chính không biết rõ về các chính sách hỗ trợ, ưu đãi tam nông mà Đảng và Chính phủ Trung Quốc đang thực hiện. Điều này trong một chừng mực nhất định sẽ ảnh

hưởng đến sản xuất nông nghiệp và tính tích cực tăng thu nhập từ nông nghiệp của một bộ phận nông dân, đồng thời cũng ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện của các chính sách⁽³⁰⁾.

Để các chính sách tăng thu nhập cho nông dân phát huy được hiệu quả tích cực hơn nữa, trong thời gian tới Trung Quốc chủ trương tăng cường kiểm tra, giám sát công tác thực hiện chính sách. Trước mắt, Trung Quốc sẽ tích cực xây dựng một cơ chế kiểm tra giám sát có hiệu quả, xây dựng cơ chế truy cứu trách nhiệm. Trong quá trình thực hiện chính sách, nếu bị thất bại sẽ truy cứu trách nhiệm của từng cá nhân cụ thể, để thực sự nâng cao ý thức trách nhiệm và hiệu quả của các chính sách.

Hai là, một số chính sách còn chưa được thực hiện một cách thiết thực. Theo điều tra thì có đến hơn 80% hộ nông dân đều nhận thức được tầm quan trọng của khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp, nhưng có đến 70-80% cho rằng chính quyền rất ít hoặc không hề có sự chỉ đạo và huấn luyện về kỹ thuật làm ruộng⁽³¹⁾. Cho dù nguyên nhân là do thiếu những cán bộ kỹ thuật nông nghiệp hay thiếu nguồn vốn, thì đây cũng là một vấn đề khó, mà Trung Quốc phải tập trung giải quyết trong thời gian tới.

Ba là, các chính sách tăng thu nhập cho nông dân còn thiếu sự liên tục và dài hơi. Một số chính sách năm nay có, nhưng năm sau lại không được tiếp tục thực hiện; một số chính sách được thực hiện ở cấp huyện, nhưng không được áp

dụng ở các hương, thôn; một số chính sách năm nay được đầu tư, năm sau lại bị giảm bớt ở những mức độ khác nhau.

Bốn là, việc thực hiện các chính sách còn thiếu tính sáng tạo. Ví dụ như việc chỉ đạo tiến hành huấn luyện kỹ thuật nông nghiệp cho nông dân, lãnh đạo các hương trấn thường có tư tưởng chờ đợi cấp trên tổ chức đưa các đoàn kỹ thuật xuống. Trong khi đó tại các địa phương đều có những cá nhân giỏi trong lĩnh vực này, hơn nữa dùng ngay những người giỏi ở địa phương để hướng dẫn cho bà con nông dân sẽ là biện pháp thu được hiệu quả nhanh nhất và tốt nhất vì họ là những người hiểu rõ nhất điều kiện thực tế của địa phương. Hay như khi vấn đề tiêu thụ nông sản bị ứ đọng, hầu hết chính quyền các hương trấn có thái độ chờ đợi một cách thụ động, tiêu cực, trong khi đó họ hoàn toàn có thể giúp đỡ và khuyến khích nông dân tổ chức các trung gian mua bán hoặc chủ động điều tra thị trường. Nếu các địa phương không tích cực chủ động tìm ra con đường đi, thì kênh tiêu thụ nông sản sẽ còn tiếp tục ở trong tình trạng bị động.

Năm là, ý thức tự chủ của nông dân còn thấp. Theo một báo cáo điều tra, nông dân luôn là người bị động trước những chính sách hỗ trợ, ưu đãi tam nông của Đảng; chính quyền lại không quan tâm chú ý đến việc nâng cao ý thức dân chủ cho người nông dân, chưa khuyến khích nông dân tham gia vào các công việc chính trị, phát biểu ý kiến của bản thân, chưa khuyến khích nông dân tự chủ sáng tạo, tự chủ lập

ng nghiệp. Nông dân là chủ thể được hưởng lợi trực tiếp từ các chính sách hỗ trợ, ưu đãi tam nông, sự phối hợp và tính tích cực của nông dân sẽ có tác động đến việc các chính sách có được thực hiện hiệu quả hay không. Nếu nông dân không hiểu rõ các chính sách, có thể dẫn đến việc không phối hợp, và không làm theo sự chỉ đạo hướng dẫn của chính quyền địa phương.

Kết luận

Trong 10 năm qua, dưới sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Quốc Vụ viện thông qua các Văn kiện số 1 về tam nông ban hành hàng năm, các biện pháp chính sách hỗ trợ tam nông nói chung, tăng thu nhập cho nông dân nói riêng của Trung Quốc ngày càng được hoàn thiện và tăng cường. Nhờ đó, đời sống nông dân có sự chuyển biến đáng kể, năm 2010, thu nhập thuần bình quân đầu người cư dân nông thôn đạt 5.919 NDT, tăng 10,9% so với năm 2009⁽³²⁾ và tăng gấp hơn 2,6 lần so với mức 2.253 NDT năm 2000; mức tăng trưởng bình quân trong 7 năm liên kể từ năm 2004 đạt xấp xỉ 8,2%. Giải quyết vấn đề tam nông trong những năm gần đây được đánh giá là điểm sáng mới trong phát triển kinh tế xã hội của Trung Quốc.

Việt Nam cũng là nước nông nghiệp, hơn 70% dân số sống ở nông thôn và gần 60% lao động xã hội làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân Việt Nam cũng đang gặp nhiều khó khăn do thu nhập thấp. Những năm gần đây tốc độ tăng trưởng kinh tế khá, nhưng đời sống nông dân vẫn còn khoảng cách khá xa

với những người sống ở đô thị... Tham khảo kinh nghiệm của Trung Quốc trong việc giải quyết vấn đề tăng thu nhập cho nông dân là việc làm cần thiết. Đặc biệt là kinh nghiệm về việc phát huy chức năng của Chính phủ trong việc tăng cường hỗ trợ và bảo vệ nông nghiệp, nông dân, tăng cường cung cấp các dịch vụ công cho người nông dân. Có thể nói, ở Việt Nam hiện nay, Đảng và Chính phủ cũng đã thực hiện một số chế độ chính sách hỗ trợ cho nông dân theo phương châm “thu ít” như miễn thuế nông nghiệp, miễn thu phí thủy lợi..., song vẫn chưa có thật nhiều các chính sách “cho nhiều” như trợ cấp trực tiếp cho người trồng lương thực, trợ cấp giống tốt, trợ cấp mua máy móc nông cụ sản xuất tạo điều kiện thực hiện cơ giới hoá nông nghiệp, hay các chính sách an sinh xã hội, đào tạo nghề cho những người nông dân đi ra thành thị làm việc.... Vì vậy, tham khảo cách làm của Trung Quốc trong việc thực hiện các chính sách trên sẽ có giá trị gợi mở tốt cho Việt Nam.

CHÚ THÍCH:

(1) “*Nghị quyết của Trung ương ĐCS Trung Quốc về việc tăng cường hơn nữa công tác nông nghiệp và nông thôn*” thông qua tại Hội nghị Trung ương 8 khoá XIII ĐCS Trung Quốc, tháng 11 năm 1991.

(2) Bảng thống kê kim ngạch bán lẻ hàng tiêu dùng ở nông thôn Trung Quốc. <http://number.cnki.net/cyfd/MetaShow.aspx?zhbiao=%u519c%u6751%u6d88%u8d39%u54c1%u96f6%u552e%u989d&areacode=xj35&pn=%u4e2d%u56fd>

(3) Năm 2002, dân số thành thị ở Trung Quốc là khoảng 500 triệu người, dân số nông thôn là gần 800 triệu người.

(4) Nghiên cứu vấn đề tăng thu nhập cho nông dân. <http://www.wmgy.net.cn/Article/ktlw/dzsf/200605/13848.shtml>

(5) Bàn về tăng thu nhập cho nông dân và mở rộng nhu cầu tiêu dùng của cư dân nông thôn. http://www.hackvip.com/lun/sort0299/sort0310/Hackvip_117958.html

(6) Kim Tín, Từ Hiểu Bình: *Báo cáo vấn đề Trung Quốc: Thách thức của Trung Quốc trong thế kỷ mới*, Nxb Văn hiến KHXH, tr.345.

(7) Cục thống kê nước CHND Trung Hoa. [Http://www.stats.gov.cn/tjgb/](http://www.stats.gov.cn/tjgb/)

(8) Chính sách nông thôn, nông dân và nông nghiệp mới ở Trung Quốc. [Http://www.ipsard.gov.vn/news/newsdetail.asp?targetID=2273](http://www.ipsard.gov.vn/news/newsdetail.asp?targetID=2273)

(9) Luật Thuê khoán ruộng đất ở nông thôn nước CHND Trung Hoa. http://news.xinhuanet.com/zhengfu/2002-08/30/content_543847.htm

(10) Lần sáng tạo thứ nhất là lần cải cách sau năm 1950, xoá bỏ chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến; lần sáng tạo thứ hai là việc thực hiện chế độ khoán sản phẩm đến hộ gia đình vào năm 1979, trao cho nông dân quyền sử dụng và kinh doanh ruộng đất; lần sáng tạo thứ ba là việc thực hiện chuyển quyền sử dụng đất ở nông thôn một cách hợp lý.

(11) Trương Hiểu Sơn: *Tìm hiểu lý luận và phân tích thực chứng vấn đề tăng thu nhập cho nông dân*, Nxb Quản lý kinh tế, Bắc Kinh, 2007, trang 86.

(12) Dương Danh Di: *Nhà đất “ăn thịt người” ở Trung Quốc*. <http://www.vietnamnet.vn/thegioi/2009/05/847796/>

(13) “*Nghị quyết của Trung ương ĐCS Trung Quốc về một số vấn đề quan trọng*

thúc đẩy cải cách phát triển nông thôn”. <http://politics.people.com.cn/GB/1026/8194300.html>

(14) Phùng Thị Huệ: *Cải thiện đời sống kinh tế nông thôn: Thành tựu lớn của Trung Quốc trong thời kỳ cải cách mở cửa*. CHND Trung Hoa – 55 năm xây dựng và phát triển. Viện Nghiên cứu Trung Quốc. Nxb KHXH, 2005, tr 292.

(15) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp Tồn Chính Tài: *Chính sách cải cách nông thôn thúc đẩy thu nhập nông dân tăng trưởng ổn định*. http://www.hljic.gov.cn/zyhm/z/gdjc/t20080922_347848.htm

(16) *Quyết định lịch sử với 800 triệu nông dân Trung Quốc*. <http://www.dienchau.gov.vn/trangintintuc.asp?dienchau=39>

(17) Lý Hải Âu. *Từ 10 “Văn kiện số 1” của Trung ương nhìn lại diễn biến chính sách của 30 năm cải cách nông thôn*. Bản dịch của Viện Nghiên cứu Trung Quốc.

(18) Năm 2009 “tam nông” trở thành điểm sáng mới trong phát triển kinh tế-xã hội của Trung Quốc. http://www.gov.cn/jrzg/2009-12/26/content_1497355.htm

(19) Bộ Tài chính: *Năm 2010 tài chính Trung ương chi cho tam nông tăng trưởng 18,3%*. <http://economy.caixun.com/content/20110627/NE02od02.html>

(20) Báo cáo công tác Vính phủ năm 2011. http://www.china.com.cn/policy/txt/2011-03/16/content_22150608.htm

(21) Nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến nông nghiệp, nông thôn. http://www.china.com.cn/economic/txt/2009-05/04/content_17717800.htm

(22) *Trung Quốc điều chỉnh thuế xuất nhập khẩu phân bón, vật tư nông nghiệp*

http://www.vietnamchina.gov.vn/cvweb/vc/c/info/Article.jsp?a_no=147312&col_no=554

(23) Trương Hồ Lâm: *Một vài vấn đề và kiến nghị về giải quyết hợp lý nông dân làm thuê lưu động*. Hội thảo lý luận lần thứ 4 giữa ĐCS Việt Nam và ĐCS Trung Quốc – *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về nông nghiệp, nông dân, nông thôn – Kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc*, tổ chức tháng 10 - 2008 tại Hà Nội

(24) Hàn Thục Minh: *Phân tích mâu thuẫn xã hội của vấn đề “Tam nông mới”*. Bản dịch tiếng Việt của Viện Nghiên cứu Trung Quốc.

(25) Đỗ Tiến Sâm (Chủ biên). *“Vấn đề tam nông ở Trung Quốc: Thực trạng và giải pháp”*. Nxb Từ điển Bách Khoa, 2008, trang 159-160.

(26) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp Tồn Chính Tài: *Năm nay Trung Quốc sẽ áp dụng 8 biện pháp thúc đẩy thu nhập nông dân tăng trưởng ổn định*. http://www.jinan.gov.cn/art/2008/9/1/art_163_149292.html

(27) Về tổng thể, lương sinh viên đại học cao hơn lương nông dân công. <http://www.77suncity.org/show.asp?id=129>

(28) Tỷ lệ nông dân công ký hợp đồng lao động tại các doanh nghiệp lớn của Trung Quốc đạt trên 90%. http://www.gov.cn/jrzg/2011-03/22/content_1829466.htm

(29) Năm 2010 số người tham gia bảo hiểm dưỡng lão trong cả nước tăng thêm 21,57 triệu người. http://caofeidian.china.com.cn/finance/txt/201108/10/content_23181536.htm

(30), (31) Vương Vĩ, Lưu Tây Đào: *Một số vấn đề tồn tại, nguyên nhân và đối sách thực hiện chính sách tăng thu nhập cho nông dân*. http://www.ccrs.org.cn/show_3545.aspx

(32) *Thống kê tình hình phát triển kinh tế-xã hội Trung Quốc năm 2010*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 4, năm 2011, trang 84.

